

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VL  
TỈNH HY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/12/2022

Về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH HY**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thom

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông L Quang Điện
2. Ông Nguyễn Văn Kháng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa:**

Bà Đỗ Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc “ly hôn và nuôi dưỡng cho chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1984 (có mặt)

HKTT: Thôn NT, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1984 (có mặt).

HKTT: Thôn CY, xã NT, huyện TT, tỉnh BN.

Nơi ở hiện nay: Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi NQ; thôn NQ, thị trấn NQ, huyện VL, tỉnh HY.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 09/11/2009 và cháu Nguyễn Tất Đức M, sinh ngày 17/7/2015. Cháu T, cháu M là con của chị T và anh T. Người giám hộ cho cháu T, cháu M là chị T, anh T.

**Người làm chứng:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1956 (vắng mặt)

HKTT: Thôn NT, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2022 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tất T tại UBND xã NT, huyện TT, tỉnh BN ngày 21/11/2008. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện của chị và anh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hòa

hợp. Anh T thường xuyên rượu chè, say xỉn rồi chửi chị. Chị có khuyên bảo rất nhiều nhưng anh T không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, chị T trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 09/11/2009 và cháu Nguyễn Tất Đức M, sinh ngày 17/7/2015. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, chị T trình bày: Vợ chồng chị không có công nợ chung với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, chị T trình bày; Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức, chị T xác định chị không có công sức gì với gia đình nhà chồng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tất T có lời khai thống nhất với lời khai của chị T về việc đăng ký kết hôn, con chung, công nợ chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T khai: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng nhau, vợ chồng không có gì mâu thuẫn nghiêm trọng mà chỉ là những bất đồng nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không cãi nhau, không đánh nhau. Lời khai ban đầu anh T xác định anh không biết chị T muốn ly hôn với anh vì nguyên nhân gì. Từ tháng 8/2022 chị T bỏ ra ngoài ở riêng không chung sống với anh nữa. Sau đó anh T có lời khai cho rằng chị T ghê gớm, đánh đá, không tôn trọng chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh T cũng đã níu kéo để chung sống vì các con nhưng nay chị T vẫn cương quyết ly hôn, anh xác định vợ chồng cũng không thể chung sống với nhau được nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, anh T trình bày: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có mua đầu thầu thửa đất số 38, tờ bản đồ số 14, diện tích 69 m<sup>2</sup> tại khu đường Tàu, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY. Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 721977 đứng tên chị T. Anh không biết lý do gì mà chị T đứng tên một mình. Giá đất khi mua là 8.000.000đ/m<sup>2</sup>. Trên đất hiện đang xây dựng một ngôi nhà 06 tầng chưa hoàn thiện. Anh xác định là tài sản chung vợ chồng và đề nghị Tòa án chia tài sản cho anh được hưởng ½. Sau đó tại phiên hòa giải, anh T lại có quan điểm xác định, thửa đất đúng là đứng tên riêng của chị T nhưng được mua trong thời kỳ hôn nhân nên anh cũng có công sức đóng góp khi tạo dựng nên khối tài sản này. Anh không xác định được công sức của anh cụ thể là bao nhiêu và anh cũng không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản mà anh tự nguyện để lại sau này cho các con. Anh không yêu cầu chị T phải chia trả cho anh bất kỳ một khoản tiền nào mà chỉ cần ghi nhận là có công sức của anh và anh sẽ để lại cho các con. Anh cũng tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức.

Về công nợ: Anh T xác định vợ chồng anh không có công nợ chung với ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất ruộng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết do vợ chồng không liên quan gì với nhau về đất ruộng nông nghiệp.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cháu Nguyễn Phương T** có lời khai thể hiện: Cháu là con của chị T, con của anh T. Nếu bố cháu và mẹ cháu ly hôn, cháu T xin được ở với mẹ.

**Cháu Nguyễn Tất Đức M có lời khai thể hiện:** Cháu là con của chị T, là con của anh T. Nếu bố cháu và mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải do anh T bỏ về giữa buổi hòa giải do vậy không hòa giải T nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

#### **Tại phiên tòa:**

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Chị xác định thửa đất số 38, tờ bản đồ số 14, diện tích 69 m<sup>2</sup> tại khu đường Tàu, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY và ngôi nhà đang xây dựng trên đất là tài sản riêng của chị. Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 721977 đứng tên riêng của chị. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, công sức và đất ruộng.

Bị đơn là anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở giai đoạn chuẩn bị xét xử. Về tình cảm, anh nhất trí ly hôn với chị T do vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu giải quyết đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, công sức và đất ruộng, anh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tất T tự ý bỏ về không có lý do khi Hội đồng xét xử đang tiến hành thủ tục tranh luận tại phiên tòa.

#### **Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL như sau:**

**Về tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tất T không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhiều lần bỏ về khi Tòa án đang tiến hành phiên họp hòa giải; bỏ về khi Hội đồng xét xử đang tiến hành xét xử vụ án; vắng mặt không có lý do tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

**Về nội dung,** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị T được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 09/11/2009; Giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tất Đức M, sinh ngày 17/7/2015. Chị T, anh T không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về công nợ chung; Tài sản chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Tất Đức T có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện TT, tỉnh BN ngày 21/11/2008. Anh T, chị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Lời khai của chị T, anh T xác định sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chị T có sống ở gia đình nhà chồng một thời gian ngắn sau đó vợ chồng ở trong khu tập thể của Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi. Thời gian đầu vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc sau đó có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Chị T cho rằng anh T thường xuyên uống rượu say xỉn rồi chửi chị. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh T lại xác định mâu thuẫn do chị T ghê gớm, đánh đá không tôn trọng anh. Thực tế vợ chồng anh T không chung sống cùng nhau từ tháng 8/2022 do chị T ra ngoài ở riêng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn với anh T. Về phía anh T có quan điểm đồng ý ly hôn. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T đã thực sự trầm trọng, không còn duy trì cuộc sống chung, vợ chồng đều xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2] Về con chung:** Chị T và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 09/11/2009 và cháu Nguyễn Tất Đức M, sinh ngày 17/7/2015. Chị T, anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Cháu T, cháu M đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Mặc dù hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng xét thấy anh, chị đều là người có công việc, có thu nhập đảm bảo để nuôi dưỡng các con do đó sẽ giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu sẽ đảm bảo quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung của anh T, chị T. Xét thấy cháu T là con gái, đang ở độ tuổi cần có sự kèm cặp, dạy bảo của mẹ nên sẽ giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T anh T không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị T, anh T đều có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

**[3] Về tài sản, công sức:** Anh T xác định vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 14, diện tích 69 m<sup>2</sup>, loại đất ở, tại khu Đường Tàu, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY. Lời khai ban đầu anh T có yêu cầu Tòa án phân chia thửa đất cho anh được hưởng ½ tài sản. Sau đó anh T lại có quan điểm, thửa đất được mua trong thời kỳ hôn nhân nên dù ít hay nhiều anh T cũng có công sức đối với thửa đất và nhà đang xây dựng. Tuy nhiên anh T không xác định được công sức cụ thể là bao nhiêu, anh cũng không yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu chia công sức mà đề nghị Tòa án ghi nhận là có công sức của anh đối với khối tài sản, sau này anh sẽ để lại cho các con của anh. Về phía chị T xác định thửa đất là tài sản riêng của chị do trong thời gian chung sống vợ chồng mỗi người một công việc riêng. Anh T làm việc và hưởng lương nhà nước còn chị buôn bán, kinh doanh tự do. Toàn bộ chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình chị là người gánh vác. Tiền lương của anh T thì anh T tự quản lý, chi tiêu riêng. Về kinh tế vợ chồng không ai liên quan đến ai. Toàn bộ hoạt động buôn bán, kinh doanh của chị, anh T không quan tâm, không biết. Chính vì thế khi chị mua đấu giá thửa đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất anh T đã cam kết là tài sản riêng của chị. Hiện chị đang xây dựng một ngôi nhà trên thửa đất. Nếu anh T có yêu cầu chia đất, chia nhà của chị thì chị không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã giải thích cho anh T được biết quyền và nghĩa vụ của anh T đối với yêu cầu chia tài sản và chia công sức. Tòa án đã thông báo cho anh T nộp tạm ứng án phí chia tài sản, tạm ứng chi phí tố tụng nhưng anh T không thực hiện. Khi Tòa án tiến hành phiên họp hòa giải, anh T có quan điểm anh không yêu cầu phân chia tài sản, anh không xác định công sức của anh cụ thể như thế nào, anh không yêu cầu chia công sức mà đề nghị Tòa án ghi nhận là có công sức của anh đối với thửa đất và ngôi nhà đang xây trên đất sau này anh để lại cho các con của anh. Việc anh T không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí tố tụng, cũng không yêu cầu phân chia tài sản, không yêu cầu chia công sức nên về phần tài sản và công sức không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác.

Về công sức đối với gia đình nhà chồng, chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[4] Về công nợ:** Chị T, anh T đều xác định vợ chồng không có công nợ chung với ai, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**[5]. Về đất ruộng nông nghiệp:** Chị T, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**[6] Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật

Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T. Xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 09/11/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Tất Đức M sinh ngày 17/7/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T, anh T không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung; công nợ; công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011793 ngày 26/8/2022, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện VL;
- UBND xã NT.
- Chi cục THADS huyện VL;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**

